TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01- 8 -2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hằng

Bà Nguyễn Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cù Thị L - Sinh năm 1970

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn Đ - Sinh năm 1977
Cùng trú tại: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt chị L, vắng mặt anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2018, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Cù Thị L trình bày: Chị và anh Trương Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã H, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 24 tháng 12 năm 1996 và tổ chức cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Đại ham chơi bài bạc, không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi cọ, nhiều lần xô xát. Từ năm 2004, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả nên vợ chồng sống ly thân và không quan tâm gì tới nhau. Xét thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Văn C sinh ngày 20/10/1997 và cháu Trương Thị H sinh ngày 20/02/2004. Cháu C đã trưởng thành, có khả năng lao động bình thường ở với ai do cháu quyết định. Chị có nguyện vọng nuôi cháu H và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, cháu H đang ở với chị, cháu học lớp 9 Trường trung học cơ sở xã Bình S. Chị làm nghề trồng trọt, chăn nuôi, thu nhập bình quân 5.000.000đ/tháng. Cháu H có đơn đề nghị nguyện vọng được ở với mẹ.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trương Văn Đ nhưng anh Đ không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị L nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh Trương Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn và hiện nay đang cư trú tại Thôn B, xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trương Văn Đ nhưng anh Đ không có ý kiến gì gửi cho Tòa án và cũng không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến. Hai lần Tòa án thông báo về phiên hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất, anh Đ vắng mặt, HĐXX đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Triệu Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xô xát. Vợ chồng sống không có hạnh phúc nên đã ly thân một thời gian dài, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Tại phiên tòa, chị L vẫn tha thiết xin ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống với anh Đ được nữa. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L xử cho chị được ly hôn anh Đ.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Văn C sinh ngày 20/10/1997 và cháu Trương Thị H sinh ngày 20/02/2004. Cháu

Ch đã trưởng thành, có khả năng lao động bình thường ở với ai do cháu quyết định. Chị L có nguyện vọng nuôi cháu H và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ không có ý kiến gì về phần con chung. Cháu H ở với mẹ từ nhỏ, được ăn, ở, học tập đầy đủ và có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Do đó, giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu chị L không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh Đại có quyền thăm nom con chung, chị L và gia đình không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 tháng 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Cù Thị L được ly hôn anh Trương Văn Đ.

2. Về con chung: Công nhận vợ chồng có 2 con chung là cháu Trương Văn Ch sinh ngày 20/10/1997 và cháu Trương Thị H sinh ngày 20/02/2004. Cháu Trương Văn C đã trưởng thành, có khả năng lao động bình thường ở với ai do cháu quyết định. Giao cháu Trương Thị H cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0001167 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND. xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu